

Bản án số: **223** /2020/HNGĐ-ST

Ngày 27.5.2020

V/v *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Nguyễn Hồng Bách**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Bà Nguyễn Thị Mai**

Ông Dương Xuân Đỉnh

- *Thư kí phiên tòa :* **Bà Hoàng Thu Thảo** – Thư kí Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:* **Bà Hoàng Thị Chiêm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27.5.2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử công khai vụ án thụ lí số 670 ngày 16/12/2019 về tranh chấp “Xin ly hôn” to Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 3.4.2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Trần Thị T**, sinh năm 1960; Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại Thôn Châu P, xã Liên H, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: **Ông Phạm Văn H**, sinh năm 1959; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Châu P, xã Liên H, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 2.12.2019 và quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Phạm Văn H kết hôn với nhau ngày 29/9/1979 tại UBND xã Liên H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn Châu P, xã Liên H, Đông A, Hà Nội. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế. Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 30 tháng nay. Trước đó Bà đã làm đơn ly hôn với ông H nhưng ông H ra ngoài ở không rõ nơi ở, Tòa án không làm việc được với ông H nên Bà đã rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết. Đến nay Bà tiếp tục làm đơn khởi kiện xin ly hôn ông H do trong cuộc sống ông H không

quan tâm gì đến bà, bỏ mặc bà tự làm, tự ăn, thui thủi một mình, thỉnh thoảng ông H mới về ở Châu P, Liên H vài ngày để lo giỗ tết của gia đình rồi lại đi làm ăn ở nơi khác, bà không rõ nơi làm ăn của ông H. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn ông H.

+ **Về con chung:** Vợ chồng ông và bà có 03 con chung: Chị Phạm Thị Kh, sinh năm 1981; anh Phạm Cao H, sinh năm: 1983; anh Phạm Văn Q, sinh năm 1985, các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ **Về tài sản chung:** Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được triệu tập đến Tòa án nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án nhân dân huyện Đông Anh không ghi được ý kiến của ông H.

Tại phiên tòa:

Bà T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với ông Phạm Văn H. Về con chung các con đã trưởng thành nên Bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung : Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh:

Qua công tác kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy:

Về việc tuân to pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý cho đến khi xét xử:

Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng người tham gia tố tụng.

Thời hạn thụ lý vụ án đảm bảo đúng to quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ vợ chồng và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đúng với quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã tuân to các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự tại phiên tòa.

Về phía đương sự: Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

+ **Về tình cảm:**

Bà T và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn to bà T khai là do ông H và bà bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế từ đó vợ chồng sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. UBND xã Liên H xác định ông H có quan hệ với người phụ nữ khác có con riêng nhưng địa phương không nắm được thông tin cụ thể về người phụ nữ đó. Bà T và ông H đã sống ly thân với nhau từ nhiều năm nay, không ai quan tâm ai, nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, yêu cầu ly hôn với ông H. Xét mâu thuẫn vợ chồng của bà T, ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận ly hôn to yêu cầu của bà T.

+ Về con chung: Bà T, ông H có 03 con chung là Phạm Thị K- sinh năm 1981, Phạm Cao H- sinh năm 1983 và Phạm Văn Q- sinh năm 1985. Các con chung của ông bà đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, nên không đặt ra xem xét tại phiên tòa.

- Về tài sản chung, công sức, nợ và nhà đất ở: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí:

Căn cứ Điều 27 khoản 5, Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, vụ án áp dụng án phí không có giá ngạch.

Do đó, áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Đề nghị Tòa án:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Trần Thị T

Xử cho bà Trần Thị T được li hôn với ông Phạm Văn H

+ Về con chung: các con đã trưởng thành nên không phải xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung : Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Vụ án thuộc trường hợp không có giá ngạch. Ông Tuyến phải chịu án phí hôn nhân và gia đình to quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 2.12.2019 Bà T đã có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Phạm Văn H và nộp tại Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Bị đơn có đăng ký nhân khẩu thường trú tại Thôn Châu P, Liên H, Đông A, Hà Nội. Tại thời điểm thụ lý vụ án ông H không mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú cư trú nhưng qua xác minh ông H vẫn có thời gian về nhà ở Thôn Châu P, xã Liên H vào những dịp nhà có giỗ, Tết. Ông H giấu nơi tạm trú của mình nên Tòa án thụ lý đơn khởi kiện nên việc thụ lý đơn và thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền về loại việc và thẩm quyền về lãnh thổ.

Bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản

Tòa án xác định vụ án có nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng là đúng và đầy đủ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành triệu tập đương sự đến để ghi lời khai và triệu tập bị đơn đến Tòa làm việc to đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Bà T và ông H kết hôn tự nguyện, có đăng kí kết hôn nên hôn nhân trên là hợp pháp.

Lí do ly hôn hai bên mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ rất lâu, hai bên không quan tâm, chăm sóc gì với nhau nữa.

Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Liên H :

Đại diện Thôn Châu P và Ủy ban nhân dân xã Liên H cho biết cho biết Ông H và bà T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên H. Quá trình chung sống không thấy có mâu thuẫn cãi, chửi nhau, nhưng 20 năm nay ông H không chung sống cùng bà T mà thường xuyên đi ở nơi khác, thỉnh thoảng mới về nhà ở Châu P, Liên H, bỏ mặc bà T muốn sống thế nào thì tùy. Ông H ở nơi khác có quan hệ với người phụ nữ khác và có con riêng nhưng địa phương không nắm được thông tin cụ thể. Nay bà T có đơn xin ly hôn với ông H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những ý kiến của các bên trình bày tại phiên tòa, thực trạng cuộc sống vợ chồng đã cho thấy rõ cả hai bên đều đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân của hai bên thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 qui định “ Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. ”

Hội đồng xét xử thấy hôn nhân của Ông H và bà T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà T cho bà T được ly hôn

C on chung vợ chồng: các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung vợ chồng ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo to quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17, Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Luật thi hành án dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T xin li hôn với ông Phạm Văn H.
Tuyên xử:

Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn H.

Về con chung: ông H và bà T có 3 con chung là: Chị Phạm Thị Kh, sinh năm 1981; anh Phạm Cao H, sinh năm: 1983; anh Phạm Văn Q, sinh năm 1985,

Các con đều đã trưởng thành nên không phải giải quyết về nuôi con chung sau li hôn.

Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí chị bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số AA/2028/0015200 ngày 11.12.2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh nay được chuyển thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết to quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án to quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện to quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Đường sự trong vụ án;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Ủy ban nhân dân xã Liên H, Đông A, Hà Nội (để vào sổ đăng kí kết hôn: số kết hôn 5869/ 3.10.79)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Bách